

Số: 36/2022/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 14 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

*V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con.*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Xuân Trường.

*Thư ký phiên họp:* Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:* Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 131/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 123/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

\* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: khu T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Anh **Đỗ Văn V1**, sinh năm 1991.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: phố V, khu T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại: Hàn Quốc.

Người được anh V1 ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1989. Địa chỉ: khu T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(Chị V, anh V1 đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Bản tự khai; Giấy ủy quyền; Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn V1 cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn V1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/12/2010. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2012 thì anh V1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, thời gian đầu anh có liên lạc về cho chị nhưng chỉ được hai năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Kể từ năm 2016, mỗi khi anh liên lạc về nhà là vợ chồng lại xảy ra cãi nhau. Do mỗi người ở một nơi nên mâu thuẫn không thể giải quyết được. Nay chị V, anh V1 cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Tuấn P, sinh ngày 16/12/2009 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 26/12/2013, hiện các con đang ở với chị V. Anh, chị thống nhất giao hai con chung cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Anh V1 tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000đ/1con/1tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V, anh V1 cùng xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí tố tụng: Chị V, anh V1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định tài liệu, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với lệ phí giải quyết việc dân sự, chị V tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Anh Đỗ Văn V1 hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc nên anh ủy quyền cho chị Nguyễn Thị V thay anh giao, nhận các tài liệu tại Tòa án. Chị V nhất trí nhận ủy quyền của anh V1. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị V đã thông báo cho anh V1 biết, anh V1 vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Do điều kiện công việc nên chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn V1 không trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án được anh, chị đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị V, anh V1 là Đỗ Tuấn P và Đỗ Thanh T đều có nguyện vọng được ở với chị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ việc: Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và

gia đình; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn V1. Giao hai con chung Đỗ Tuấn P và Đỗ Thanh T cho chị V nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh V1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000đ/1con/1tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn V1 có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Anh V1 hiện đang lao động tại Hàn Quốc, chị V hiện đang cư trú tại khu T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết chị V, anh V1 đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Anh V1 không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn yêu cầu trưng cầu giám định, giấy ủy quyền và đơn xin giải quyết vắng mặt đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tòa án đã trưng cầu giám định dấu vân tay của anh V1 đối với các tài liệu này. Kết quả giám định cho thấy, dấu vân tay của anh V1 trong các tài liệu trên so với dấu vân tay in trong giấy chứng minh nhân dân của anh V1 là của cùng một người. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà anh V1 gửi về đúng là ý chí, nguyện vọng của anh V1.

Do các bên đương sự đều đề nghị xin được vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn V1 được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/12/2010, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì anh V1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc đến nay chưa về nước. Vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị V, anh V1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V và anh V1.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh V1 thống nhất giao cho chị V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Đỗ Tuấn P, sinh ngày 16/12/2009 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 26/12/2013 cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Anh V1 tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000đ/1con/1tháng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Các con chung của anh chị cũng có nguyện vọng được ở với chị V. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V, anh V1 cùng xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị V tự nguyện chịu cả lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn V1.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn V1, giao con chung Đỗ Tuấn P, sinh ngày 16/12/2009 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 26/12/2013 cho chị V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh V1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000đ/1con/1tháng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

*Kể từ khi chị Nguyễn Thị V có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Đỗ Văn V1 không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.*

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị V tự nguyện chịu cả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0000355 ngày 17/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị V đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Xuân Trường**